

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM -CTCP**

Địa chỉ : 68 Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội, TP. Hà Nội

Điện thoại : 04. 38693992 Fax : 04. 38693689

Web.: [www.vinacco.vn](http://www.vinacco.vn)

**ĐIỀU LỆ**

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM -CTCP**

**( Dự thảo )**

## Mục lục

CHƯƠNG I.....	9
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	9
Điều 1    Giải thích một số thuật ngữ và từ viết tắt .....	9
CHƯƠNG II.....	12
TÊN, TRỤ SỞ, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC - CHI NHÁNH, HÌNH THỨC TỔ CHỨC, MỤC TIÊU -NGÀNH NGHỀ KINH DOANH .....	12
VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY .....	12
Điều 2    Tên, Trụ sở, Các Đơn vị trực thuộc - Chi nhánh của Tổng công ty	12
Điều 3    Hình thức tổ chức, tư cách pháp nhân và người đại diện theo pháp luật	12
Điều 4    Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh.....	13
Điều 5    Thời hạn hoạt động, phạm vi kinh doanh .....	13
Điều 6    Tổ chức chính trị và các Tổ chức chính trị - xã hội.....	14
CHƯƠNG III .....	14
QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY .....	14
Điều 7    Quyền hạn chung của Tổng công ty .....	14
Điều 8    Nghĩa vụ chung của Tổng công ty .....	15
Điều 9    Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với công ty con, công ty liên kết trong nhóm công ty .....	16
Điều 10    Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với các đơn vị trực thuộc	16
Điều 11    Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với các công ty tự nguyện tham gia liên kết.....	16
CHƯƠNG IV .....	17
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	17
Điều 12    Vốn điều lệ.....	17
Điều 13    Chứng nhận cổ phiếu .....	18
Điều 14    Chuyển nhượng    Chuyển nhượng, thừa kế và thu hồi cổ phần ..	19
Điều 15    Thừa kế cổ phần.....	21
Điều 16    Mua lại cổ phần.....	21

Điều 17	Thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại .....	22
Điều 18	Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại .....	22
Điều 19	Thu hồi cổ phần .....	22
Điều 20	Phát hành cổ phiếu, trái phiếu .....	23
CHƯƠNG V .....		23
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....		23
Điều 21	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát .....	23
CHƯƠNG VI.....		23
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....		23
Điều 22	Cổ đông.....	23
Điều 23	Quyền của cổ đông .....	24
Điều 24	Nghĩa vụ của cổ đông .....	25
Điều 25	Sổ đăng ký cổ đông.....	25
Điều 26	Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 27	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông. ....	27
Điều 28	Các đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông .....	28
Điều 29	Thay đổi các quyền .....	29
Điều 30	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 31	Các điều kiện để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 32	Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. ....	30
Điều 33	Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	32
Điều 34	Thẩm quyền và thê thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	32
Điều 35	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	33
Điều 36	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	34
Điều 37	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	34
CHƯƠNG VII.....		35
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....		35
Điều 38	Hội đồng quản trị, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	35
Điều 39	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị .....	35

Điều 40	Thê thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị .....	36
Điều 41	Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	38
Điều 42	Quyền của thành viên Hội đồng quản trị.....	38
Điều 43	Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị .....	38
Điều 44	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	39
Điều 45	Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	41
CHƯƠNG VIII .....		42
TỔNG GIÁM ĐỐC .....		42
CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY .....		42
Điều 46	Tổng Giám đốc .....	42
Điều 47	Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc .....	42
Điều 48	Quy định về từ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Tổng giám đốc	43
Điều 49	Tổ chức bộ máy quản lý .....	43
Điều 50	Cán bộ quản lý .....	44
Điều 51	Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các công ty con và công ty liên kết	45
Điều 52	Thư ký Tổng công ty .....	45
CHƯƠNG IX .....		45
BAN KIỂM SOÁT .....		45
Điều 53	Thành viên ban kiểm soát.....	45
Điều 54	Ban kiểm soát.....	46
CHƯƠNG X .....		47
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,.....		47
BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC .....		47
VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC .....		47
Điều 55	Trách nhiệm cần trọng .....	47
Điều 56	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	47
Điều 57	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	48
CHƯƠNG XI .....		49
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY .....		49

Điều 58	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ .....	49
CHƯƠNG XII.....		49
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....		49
Điều 59	Công nhân viên và công đoàn.....	49
CHƯƠNG XIII .....		50
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH .....		50
VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....		50
Điều 60	Tài khoản ngân hàng.....	50
Điều 61	Năm tài chính.....	50
Điều 62	Chế độ kế toán .....	50
CHƯƠNG XIV .....		50
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....		50
Điều 63	Phân phối lợi nhuận .....	50
Điều 64	Trả cổ tức .....	51
Điều 65	Danh sách cổ đông có quyền được nhận cổ tức .....	51
Điều 66	Xử lý trong trường hợp thua lỗ.....	51
CHƯƠNG XV .....		52
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ .....		52
THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....		52
Điều 67	Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý .....	52
Điều 68	Báo cáo thường niên.....	52
CHƯƠNG XVI .....		52
KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY .....		52
Điều 69	Kiểm toán.....	52
CHƯƠNG XVII.....		53
DẤU VÀ SỬ DỤNG CON DẤU .....		53
Điều 70	Đăng ký dấu và sử dụng con dấu.....	53
CHƯƠNG XVIII .....		53
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....		53
Điều 71	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	53
CHƯƠNG XIX .....		54
GIẢI THỂ, THANH LÝ, PHÁ SẢN.....		54

Điều 72	Giải thể.....	54
Điều 73	Thanh lý.....	54
Điều 74	Phá sản.....	54
CHƯƠNG XX.....		54
NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC.....		54
Điều 75	Chế độ lưu trữ tài liệu của Tổng công ty.....	54
Điều 76	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	55
CHƯƠNG XXI.....		56
THỜI HẠN HIỆU LỰC VÀ THI HÀNH.....		56
Điều 77	Thời hạn hiệu lực và thi hành.....	56

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**ĐIỀU LỆ**

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

**-CTCP**

### **Các căn cứ xây dựng Điều lệ:**

- Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần của Chính phủ ban hành ngày 18/7/2011;
- Quyết định số 1502/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 04/06/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc chuyển Công ty mẹ Tổng Công ty Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thành Công ty TNHH Một thành viên;
- Quyết định 839/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 17/04/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính qui định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp số 2776/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 25/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số .....



## CHƯƠNG I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1      Giải thích một số thuật ngữ và từ viết tắt**

Trong Điều lệ này một số thuật ngữ và chữ viết tắt dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1. “ *Luật Doanh nghiệp* “ : là Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 9/11/2005 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
2. “ *Tổng công ty* “ : là Tổng Công ty Xây dựng Nông nghiệp Việt Nam-CTCP.
3. “ *Nhóm công ty* “ : là các doanh nghiệp bao gồm : Công ty mẹ Tổng Công ty Xây dựng Nông nghiệp Việt Nam-CTCP; các công ty con; công ty liên kết và công ty tự nguyện liên kết với Tổng công ty. Tổ hợp công ty mẹ - công ty con không có tư cách pháp nhân. Công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết và công ty tự nguyện liên kết đều có tư cách pháp nhân.
4. “ *Công ty con* “ : là doanh nghiệp do Tổng công ty đầu tư toàn bộ vốn điều lệ hoặc nắm giữ cổ phần ( vốn góp ) chi phối ( trên 50% vốn điều lệ ), bao gồm các doanh nghiệp như : Công ty cổ phần; Công ty TNHH một thành viên; công ty TNHH 2 thành viên trở lên.
5. “ *Công ty liên kết* “ : là công ty mà Tổng công ty có cổ phần, vốn góp không chi phối ( dưới 50% vốn điều lệ ), chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Tổng công ty theo tỷ lệ cổ phần, vốn góp hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư và các qui định Pháp luật có liên quan.
6. “ *Công ty tự nguyện tham gia liên kết* “ : là doanh nghiệp không có cổ phần vốn góp của Tổng công ty nhưng tự nguyện tham gia làm thành viên của Tổng công ty, chịu sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ với Tổng công ty theo hợp đồng liên kết hoặc theo thỏa thuận giữa Tổng công ty và doanh nghiệp đó.
7. “ *Đơn vị trực thuộc* “ : là đơn vị hạch toán kinh tế phụ thuộc của Tổng công ty.
8. “ *Doanh nghiệp khác* ” : là doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối hoặc không chi phối của Tổng công ty được tổ chức dưới hình thức : Công ty cổ phần, công ty TNHH từ 2 thành viên trở lên; công ty tự nguyện tham gia liên kết với tổng công ty; công ty liên doanh với nước ngoài.
9. “ *Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối* “ của Tổng công ty : là cổ phần hoặc phần vốn góp của Tổng công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số vốn góp, cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó.
10. “ *Chủ sở hữu cổ phần, vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con và công ty liên kết* “ : là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Nông nghiệp Việt nam.
11. “ *Quyền chi phối của Tổng công ty* “ : là quyền quyết định hoặc tác động của Tổng công ty đến các công ty con về Điều lệ tổ chức và hoạt động, nhân sự chủ chốt, tổ chức bộ máy quản lý, thị trường tiêu thụ, chiến lược kinh doanh, đầu tư và các vấn đề quan trọng khác được qui định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty con và các qui định của Pháp luật hiện hành.
12. “ *Đầu tư ra ngoài Tổng công ty* “ : là hoạt động đầu tư vốn của Tổng công ty tham gia vốn điều lệ của các công ty con, công ty liên kết và các hình thức đầu tư khác theo qui định của pháp luật.

13. “ *Người đại diện theo ủy quyền tại Tổng công ty* “ : là người do Chủ sở hữu Nhà nước cử làm người đại diện phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty và giới thiệu tham gia vào Hội đồng quản trị Tổng công ty được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty.
14. “ *Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác* “ : là người được Hội đồng quản trị Tổng công ty **cử** hoặc **ủy quyền** làm đại diện trực tiếp quản lý phần vốn góp, cổ phần của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác để thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên góp vốn hoặc cổ đông tại các doanh nghiệp đó.
15. “ *Vốn điều lệ* ” : là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp trong từng thời kỳ, được các cổ đông thông qua bằng “ quyết định đặc biệt “ và được ghi vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng của công ty.
16. “ *Cổ phần phổ thông* ” : là một đơn vị vốn điều lệ của Tổng công ty và cho phép người nắm giữ có các quyền nêu tại Điều 23 của Điều lệ này.
17. “ *Người có liên quan* ” : là những người có liên hệ với nhau trong các trường hợp dưới đây:
  - a. Doanh nghiệp mẹ và con.
  - b. Doanh nghiệp và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối quyết định hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp.
  - c. Doanh nghiệp và người quản lý doanh nghiệp.
  - d. Vợ, chồng.
  - e. Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi và anh chị em ruột.
  - f. Nhóm người thoả thuận bằng văn bản hoặc dưới hình thức khác phối hợp để mua đa số cổ phần hoặc chuyển quyền sở hữu cổ phần trong Tổng công ty, hoặc để chi phối việc ra quyết định của Tổng công ty.
18. “ *Cổ tức* “ : là số tiền hàng năm được Tổng công ty trích từ lợi nhuận còn lại sau khi đã trích nộp đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước để trả cho mỗi cổ phần.
19. “ *Cổ đông* ” : là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
20. “ *Cổ phiếu* ” : là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hay một số cổ phần của Tổng công ty.
21. “ *Cán bộ quản lý* ” : là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác khác được Hội đồng quản trị chỉ định và phê chuẩn.
22. “ *Quyết định thường* ” : là Quyết định được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông hoặc người được ủy quyền có mặt tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu bầu.
23. “ *Quyết định đặc biệt* ”: là Quyết định được số cổ đông đại diện cho ít nhất 75 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông hoặc người được ủy quyền có mặt tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản thông qua. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu bầu.
24. “ *Thời hạn hoạt động* “ : là thời hạn hoạt động của Tổng công ty được qui định tại Điều 5 của Điều lệ này và thời gian gia hạn ( nếu có ) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua bằng Nghị quyết.
25. Các từ ngữ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ được hiểu và có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

26. Một số từ viết tắt : HDQT : Hội đồng quản trị; BKS : Ban kiểm soát; BHXH : Bảo hiểm xã hội; BHYT : Bảo hiểm y tế; BHTN : Bảo hiểm thất nghiệp; PTNT : Phát triển nông thôn; TNHH : Trách nhiệm hữu hạn; UBND: Ủy ban nhân dân; VNĐ : Việt Nam Đồng.

## CHƯƠNG II

### TÊN, TRỤ SỞ, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC - CHI NHÁNH, HÌNH THỨC TỔ CHỨC, MỤC TIÊU -NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

#### **Điều 2 Tên, Trụ sở, Các Đơn vị trực thuộc - Chi nhánh của Tổng công ty**

1. Tên Tổng công ty:
  - Tên tiếng Việt: Tổng Công ty Xây dựng nông nghiệp Việt nam – CTCP
  - Tên giao dịch: Tổng Công ty Xây dựng Nông nghiệp Việt nam
  - Tên tiếng anh: Vietnam Agricultural of construction Joint Stock Comporation
  - Tên viết tắt tiếng Anh: VINACCO
  - Trụ sở chính: 68 Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
  - Điện thoại: 04.3869 3992
2. Tài khoản giao dịch :
  - a) Tài khoản giao dịch VNĐ : 1500311000119 tại Ngân hàng NN&PTNT TP Hà nội
  - b) Tài khoản giao dịch ngoại tệ ( USD ) : ..... tại Ngân hàng.....

#### 3. Phạm vi hoạt động

Tổng Công ty Xây dựng Nông nghiệp Việt Nam-CTCP hoạt động trên toàn lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tổng công ty có thể mở các Chi nhánh trực thuộc, Văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước phù hợp với các quy định của Luật pháp Việt Nam và Điều lệ này.

#### **Điều 3 Hình thức tổ chức, tư cách pháp nhân và người đại diện theo pháp luật**

1. Hình thức tổ chức: Tổng Công ty Xây dựng Nông nghiệp Việt Nam-CTCP được thành lập từ việc cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.
2. Tư cách pháp nhân:

Tổng công ty có:

  - a) Tư cách pháp nhân theo Pháp luật Việt Nam.
  - b) Điều lệ tổ chức và hoạt động. Bộ máy quản trị và kiểm soát.
  - c) Vốn và tài sản riêng. Hạch toán kinh tế độc lập. Tự chủ về tài chính. Chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của Tổng công ty trong phạm vi vốn điều lệ của Tổng công ty.
  - d) Có con dấu riêng. Được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng trong và ngoài nước theo qui định của pháp luật.
  - e) Quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, biểu tượng, thương hiệu của Tổng công ty theo qui định của pháp luật.

- h) f) Được sử dụng toàn bộ tài sản, nguồn vốn đã nhận bàn giao để tổ chức sản xuất kinh doanh. Có trách nhiệm kế thừa các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tổng Công ty Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Công ty TNHH 1 thành viên.
3. Người đại diện theo pháp luật : Tổng Giám đốc Tổng công ty là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

#### **Điều 4 Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh**

Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là:

- a. Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông.
- b. Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của nhóm công ty bao gồm : Công ty mẹ (Văn phòng TCTy và các đơn vị trực thuộc ), các công ty con và các công ty liên kết.
- c. Tăng tích lũy để phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Xây dựng Tổng công ty ( tổ hợp mẹ - con ) thành đơn vị từng bước ổn định và phát triển lớn mạnh về mọi mặt.
- d. Hoạt động kinh doanh: - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - công trình công nghiệp, nông nghiệp, nông thôn, giao thông, thủy lợi, đường dây hạ thế, và trạm biến thế từ 35KV trở xuống, Xây dựng nhà các loại, Xây dựng công trình công ích.
- e. Góp phần vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty :

Xây dựng các công trình trên các lĩnh vực giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, phòng chống thiên tai và cơ sở hạ tầng nông nghiệp và phát triển nông thôn. Xây dựng công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải.

Chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu nông lâm sản và vật tư nông nghiệp

Sản xuất và xuất khẩu đồ gỗ

Xuất khẩu lao động

Dịch vụ cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng

Thực hiện các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản trên diện tích đất sẵn có của Tổng công ty.

#### **Điều 5 Thời hạn hoạt động, phạm vi kinh doanh**

1. Thời hạn hoạt động:
  - a. Thời hạn hoạt động của Tổng Công ty không hạn định, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
  - b. Ngoài việc bị giải thể và chấm dứt hoạt động theo qui định của pháp luật, việc chấm dứt hoạt động của Tổng Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện đúng theo Luật Doanh nghiệp.

Phạm vi kinh doanh:

- a. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành.
- b. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **Điều 6 Tổ chức chính trị và các Tổ chức chính trị - xã hội**

1. Tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Tổng Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức qui định tại Khoản 1 Điều này hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của tổ chức mình theo đúng Hiến pháp và pháp luật.

## **CHƯƠNG III**

### **QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY**

## **Điều 7 Quyền hạn chung của Tổng công ty**

1. Tổng công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông đóng góp, đất đai và tài nguyên được giao sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty theo đúng qui định của pháp luật.
2. Chủ động lựa chọn ngành nghề, lĩnh vực và địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư ( kể cả liên doanh, liên kết, góp vốn và mua cổ phần của doanh nghiệp khác ), mở rộng quy mô và đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh trên địa bàn cả nước và ngoài nước phù hợp với Điều 4 của Điều lệ này.
3. Chủ động tổ chức bộ máy quản lý, quản trị và kiểm soát ( tại Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc ). Tham gia xây dựng tổ chức bộ máy tại các công ty con, công ty liên kết phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ của Tổng công ty, đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.
4. Chủ động lựa chọn và đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
5. Tích cực và chủ động trong lựa chọn thị trường trong và ngoài nước. Trực tiếp xuất khẩu - nhập khẩu theo các yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra của Tổng công ty phù hợp với các qui định hiện hành của pháp luật.
6. Quyết định giá mua vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và các dịch vụ chủ yếu trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá.
7. Tự do lựa chọn hình thức, cách thức huy động vốn trong khuôn khổ qui định của pháp luật nhằm tăng cường khả năng về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
8. Có quyền tuyển dụng, thuê mướn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh. Quyết định mức lương, tiền công trên cơ sở lao động thực tế và hiệu quả sản xuất kinh doanh phù hợp với Bộ Luật lao động và các qui định hiện hành khác.
9. Có quyền mở Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổng công ty ở trong và ngoài nước theo qui định của pháp luật.
10. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp bao gồm : các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi, xuất xứ hàng hóa.v.v... theo qui định của pháp luật.
11. Sử dụng vốn và các quỹ của Tổng công ty phục vụ cho các nhu cầu của sản xuất kinh doanh trên nguyên tắc bảo toàn vốn và sinh lợi nhuận.

12. Tham gia vào công tác quản lý và sử dụng vốn tại các công ty con và công ty liên kết trên nguyên tắc bảo toàn vốn và sinh lợi nhuận.
13. Được quyền phát hành, chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu theo qui định của pháp luật.
14. Có quyền định đoạt đối với tài sản, bất động sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tổng công ty. Được thế chấp, cầm cố giá trị quyền sử dụng đất, tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Tổng công ty để đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác của Tổng công ty theo qui định của pháp luật.
15. Lập và sử dụng các quỹ theo qui định của pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quyết định sử dụng các quỹ và phân phối lợi nhuận cho các cổ đông sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.
16. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 8 Nghĩa vụ chung của Tổng công ty**

1. Đăng ký kinh doanh và sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về các sản phẩm và dịch vụ do Tổng công ty cung cấp.
2. Xây dựng chiến lược phát triển dài hạn, trung hạn, ngắn hạn và các kế hoạch kinh doanh phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Tổng công ty và nhu cầu của thị trường.
3. Tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch sản xuất đã xây dựng cũng như các hợp đồng kinh tế, hợp đồng thương mại, hợp đồng đầu tư đã ký kết.
4. Bảo toàn và phát triển vốn trong sản xuất, kinh doanh và liên doanh liên kết.
5. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo qui định của pháp luật. Đảm bảo cho người lao động tham gia quản lý doanh nghiệp trên cơ sở Thỏa ước lao động tập thể và các qui định của pháp luật.
6. Thực hiện các qui định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, quốc phòng - an ninh, phòng cháy chữa cháy và trật tự an toàn xã hội.
7. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo qui định của pháp luật.
8. Thực hiện đúng chế độ và các qui định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, chế độ kiểm toán, thực hiện báo cáo định kỳ theo qui định của Nhà nước. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của báo cáo tài chính của Tổng công ty.
9. Kế thừa và thực hiện các khoản phải thu, phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Tổng công ty tại thời điểm thành lập.
10. Công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm và các thông tin khác về hoạt động của Tổng công ty theo qui định của pháp luật.
11. Thực hiện đúng và đủ các khoản nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo qui định của pháp luật.
12. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đối với các khách hàng và chủ nợ trong phạm vi tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Tổng công ty.
13. Đảm bảo chất lượng công trình và dịch vụ theo các tiêu chuẩn Nhà nước, tiêu chuẩn ngành và tiêu chuẩn Tổng công ty đã công bố.
14. Tuân thủ các nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật.

**Điều 9 Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với công ty con, công ty liên kết trong nhóm công ty**

1. Định hướng chiến lược kinh doanh của Nhóm công ty phù hợp với điều lệ tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên. Tổng công ty không tham gia điều hành trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết mà thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, thông qua người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty đó nhằm đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư và thực hiện mục tiêu phát triển chung của Nhóm công ty theo qui định của pháp luật, phù hợp với Điều lệ của công ty con, công ty liên kết. Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết phải thực hiện chế độ báo cáo, xin ý kiến của Tổng công ty trước khi biểu quyết để thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn. Thực hiện các quyền chi phối đối với công ty con theo qui định của pháp luật.
2. Thu lợi nhuận đầu tư và chịu rủi ro từ phần vốn góp, cổ phần tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty. Giám sát, đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sử dụng vốn đầu tư tại công ty con. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn góp, cổ phần ở công ty con, công ty liên kết theo qui định của pháp luật.
3. Tổng công ty phối hợp với các công ty con, công ty liên kết thực hiện hoạt động trong lĩnh vực thị trường, nghiên cứu sản phẩm, phát triển công nghệ, dịch vụ, xúc tiến thương mại, hợp tác liên doanh, liên kết tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nhóm công ty mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận của từng thành viên trong nhóm.
4. Trong quá trình thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của mình đối với các công ty con, công ty liên kết nếu không thực hiện đúng các qui định của pháp luật mà gây thiệt hại cho các công ty con, công ty liên kết và bên có liên quan thì Tổng công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường các thiệt hại cho các công ty đó hoặc các bên có liên quan theo đúng qui định của pháp luật.
5. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ của các công ty con, công ty liên kết.

**Điều 10 Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với các đơn vị trực thuộc**

1. Đơn vị hạch toán phụ thuộc là thành viên của Tổng công ty. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc có quyền tự chủ sản xuất kinh doanh theo phân cấp của Tổng công ty, chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi với Tổng công ty. Tổng công ty chịu trách nhiệm cuối cùng về các nghĩa vụ tài chính phát sinh do sự cam kết của các đơn vị trực thuộc theo qui định của pháp luật.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ cụ thể của Tổng công ty đối với các đơn vị trực thuộc và ngược lại được qui định trong **Qui chế tổ chức và hoạt động** của đơn vị trực thuộc do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
3. Giám đốc đơn vị trực thuộc phải tự chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và pháp luật về việc quản lý vốn, tài sản được giao cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo phân cấp được qui định trong Qui chế tổ chức và hoạt động của đơn vị mình.

**Điều 11 Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với các công ty tự nguyện tham gia liên kết**

1. Công ty tự nguyện tham gia liên kết là công ty không có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo qui định của Pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.



- Công ty tự nguyện tham gia liên kết sử dụng thương hiệu, biểu tượng của Tổng công ty phải được sự đồng ý của Tổng công ty về nội dung, mục đích, phạm vi, thời gian sử dụng.
- Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với công ty tự nguyện liên kết và ngược lại được thể hiện thông qua thỏa thuận hợp đồng trong các lĩnh vực về thị trường, thương hiệu, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cũng như các lĩnh vực khác mà hai bên thỏa thuận theo đúng các quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

### Điều 12 **Vốn điều lệ**

- Vốn điều lệ: Vốn điều lệ của Tổng công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này được xác định là: 76.000.000.000 VNĐ ( Bảy mươi sáu tỷ đồng Việt Nam ). Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành bảy triệu sáu trăm ( 7.600.000 ) cổ phần với mệnh giá một cổ phần là mười nghìn ( 10.000 ) Việt Nam Đồng. Cơ cấu vốn được xác định như sau:

TT	Cổ đông	SL CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/Vốn Điều lệ (%)
1.	Nhà nước	0	0%
2.	Người lao động	398.900	5,25%
	<i>Cổ phần ưu đãi theo năm thực tế làm việc</i>	384.200	5,06 %
	<i>Cổ phần ưu đãi theo năm cam kết làm việc lâu dài</i>	14.700	0,19 %
3.	Nhà đầu tư chiến lược (03)	4.560.000	60,00%
4.	Nhà đầu tư khác	2.641.100	34,75%
	<b>Tổng</b>	<b>7.600.000</b>	<b>100%</b>

- Tổng công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt và cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 23 và Điều 24 Điều lệ này.
- Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ

phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan.
7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.
8. Vốn điều lệ của Tổng công ty có thể được điều chỉnh (tăng hoặc giảm) phụ thuộc vào nhu cầu sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Tổng công ty. Việc điều chỉnh vốn điều lệ của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị và được sự chấp thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với pháp luật Việt Nam.

### **Điều 13 Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Trên cổ phiếu có ghi các nội dung chủ yếu sau :
  - a. Tên, địa chỉ, trụ sở chính của Tổng công ty;
  - b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổng công ty;
  - c. Số lượng cổ phần và các loại cổ phần;
  - d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
  - e. Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức
  - f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
  - g. Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông của Tổng công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
  - h. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng Công ty.
3. Bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký cổ đông, với mỗi loại cổ phần sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ (trong trường hợp phát hành) trong vòng chín mươi ngày sau khi mua hoặc chuyển nhượng (trong trường hợp chuyển nhượng).
4. Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm có thể ban hành các quy định về chào bán và chuyển nhượng cổ phần, theo đó các quy định này sẽ (trong phạm vi mà chúng điều chỉnh) thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chào bán và chuyển nhượng cổ phần.
5. Sổ đăng ký cổ đông: Tổng Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông phải bằng văn bản và tập dữ liệu điện tử có đủ các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty;

- b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
- e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
6. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty và được thông báo bằng văn bản cho các cơ quan đăng ký kinh doanh cùng mọi cổ đông được biết.
7. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty.
8. Chứng chỉ chứng khoán khác là Chứng chỉ trái phiếu hoặc các Chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự ) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

## **Điều 14 Chuyển nhượng Chuyển nhượng, thừa kế và thu hồi cổ phần**

### **1. Quyền chuyển nhượng cổ phần**

1.1. Trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác. Trường hợp muốn chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và khi đó người được nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Tổng công ty; sau thời hạn ba (03) năm hạn chế này được bãi bỏ. .

1.2. Cổ phần của cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị không được phép chuyển nhượng trong thời gian đương nhiệm, trong trường hợp đặc biệt thì các thành viên của Hội đồng quản trị bỏ phiếu đa số thống nhất việc chuyển nhượng này.

1.3. Cổ phần của thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Tổng công ty chỉ được chuyển nhượng khi được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

1.4. Trừ các trường hợp quy định tại điểm 2.3 khoản 2 điều 10 và các điểm 1.1; 1.2; 1.3 khoản 1 điều 16 của Điều lệ này, các cổ phần còn lại được tự do chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

1.5. Hội đồng quản trị có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng cổ phần khi chưa đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.

1.6. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

1.7. Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua

trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

1.8. Cổ phần ưu đãi mua thêm của người lao động không được phép chuyển nhượng trong thời gian cam kết. Trường hợp công ty cổ phần thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này thì công ty cổ phần có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường. Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho công ty cổ phần toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.

## **2. Thủ tục chuyển nhượng cổ phần**

2.1. Thủ tục chuyển nhượng là giấy chuyển nhượng có chữ ký của hai bên, có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty và được điều chỉnh bổ sung trong sổ đăng ký cổ đông. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty.

2.2. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi danh thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và Tổng công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

2.3. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **3. Thừa kế cổ phần**

3.1. Cổ phần của Tổng công ty được thừa kế theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, Tổng công ty công nhận quyền thừa kế cổ phần của người đã chết như sau:

a. Người thừa kế duy nhất theo luật định.

b. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì phải cử người đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng, Tổng công ty không giải quyết các tranh chấp giữa những người thừa kế hợp pháp.

3.2. Người có quyền thừa kế hợp pháp đăng ký làm thủ tục sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

## **4. Thu hồi cổ phần**

4.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng công ty theo quy định.

4.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

4.3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

4.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

4.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, và phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất tiền vay ngân hàng vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

4.6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **Điều 15 Thừa kế cổ phần**

1. Tổng công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần được quy định trong Bộ luật dân sự.
2. Khi được uỷ quyền thừa kế hợp pháp cổ phần, cổ đông mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

## **Điều 16 Mua lại cổ phần**

1. Cổ đông bỏ phiếu phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông về chuyển đổi hình thức, chia tách, sáp nhập, hợp nhất Tổng công ty với công ty khác hoặc sửa đổi Điều lệ này làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông thì cổ đông đó có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình.
2. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định đặc biệt về vấn đề nói trên, cổ đông nêu tại Khoản 1 Điều này phải gửi yêu cầu mua lại cổ phần bằng văn bản đến Tổng công ty. Trong bản yêu cầu phải nêu rõ tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại, giá cổ phần dự định bán và lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại.
3. Tổng công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông nói trên với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Tổng Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
4. Tổng công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi đã bán.

- Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong trường hợp khác việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định.
- Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua, trừ trường hợp được quy định tại Khoản 2 Điều này. Đối với các cổ phần khác, giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
- Tổng công ty có thể mua lại cổ phần của cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Tổng công ty. Trong trường hợp này quyết định mua lại cổ phần phải được thông báo cho tất cả các cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở của Tổng công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Tổng công ty.
- Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ tên, địa chỉ thường trú, số Giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

#### **Điều 17 Thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại**

- Tổng công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại Điều 16 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Tổng công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
- Cổ phần được mua lại theo Điều 16 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán của Tổng công ty. Tổng công ty có quyền chào bán ra tại mọi thời điểm theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ.
- Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Tổng công ty giảm hơn 10% thì Tổng công ty phải thông báo tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

#### **Điều 18 Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại**

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với Điều 17 Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với Điều 93 của Luật Doanh nghiệp, thì cổ đông phải hoàn trả cho Tổng công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Tổng công ty thì cổ đông đó và tất cả các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Tổng công ty trong phạm vi số cổ phần mua lại hoặc cổ tức đã trả.

#### **Điều 19 Thu hồi cổ phần**

- Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

#### **Điều 20 Phát hành cổ phiếu, trái phiếu**

1. Tổng công ty có quyền phát hành cổ phiếu và trái phiếu nhằm huy động vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định loại cổ phần, cổ phiếu phát hành, tổng giá trị cổ phần phát hành và thời điểm phát hành.
3. Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu (trừ trái phiếu chuyển đổi), tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.
4. Cổ phiếu, trái phiếu khi phát hành được ưu tiên bán cho các cổ đông có tên trong danh sách tại thời điểm phát hành sau đó mới bán ra ngoài.

### **CHƯƠNG V**

#### **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 21 Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

- Đại Hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc điều hành.

### **CHƯƠNG VI**

#### **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 22 Cổ đông**

1. Cổ đông là người sở hữu ít nhất một ( 01 ) cổ phần đã phát hành của Tổng công ty.

2. Các cổ đông được công nhận chính thức khi được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty.
3. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông, người sở hữu cổ phần ưu đãi là cổ đông ưu đãi.
4. Cổ đông sáng lập:  
 Tổng Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Tổng công ty Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên nên không có cổ đông sáng lập.
5. Cổ đông là tổ chức:  
 Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo qui định của pháp luật, trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Tổng công ty trong thời hạn sớm nhất.
6. Các cổ đông có thể tự nhóm lại đề cử ( hoặc ủy quyền ) người đại diện.
7. Hình thức ủy quyền nêu trên phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn đề cử lại hoặc thay đổi người đại diện cho mình phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị Tổng công ty.

### **Điều 23 Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
  - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.
  - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
  - g. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.
  - h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp.
  - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 7% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu ( 06 ) tháng trở lên có các quyền sau:



- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 40 và Điều 53 Điều lệ này.
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

## **Điều 24 Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty; các Quy chế của Tổng công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật.
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.

## **Điều 25 Sổ đăng ký cổ đông**

1. Tổng công ty lập Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông phải được lập theo hình thức văn bản và tập dữ liệu điện tử, có ít nhất các nội dung sau:
  - a. Tên, trụ sở chính của Tổng công ty.
  - b. Tổng số cổ phần được quyền phát hành, loại cổ phần được quyền phát hành và tổng số cổ phần được phát hành của từng loại.
  - c. Tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại và giá trị cổ phần đã góp.
  - d. Tên của cổ đông ( được sắp xếp theo vần và chữ cái ), địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần, mã số riêng cho từng cổ đông.
2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại Trụ sở chính của Tổng công ty, được thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký doanh nghiệp và mọi cổ đông được biết.

## **Điều 26 Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một ( 01 ) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn ( 04 ) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm thích hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo qui định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán ngân sách cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập của cơ quan kiểm toán có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.
  - b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo quý, sáu ( 06 ) tháng, hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn của chủ sở hữu đã bị mất một nửa ( 1/2 ) so với số đầu kỳ.
  - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp qui định hoặc ít hơn một nửa số thành viên qui định trong Điều lệ này.
  - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại Khoản 3, Điều 23 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Văn bản yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.
  - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý điều hành Tổng công ty vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
  - f. Các trường hợp khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.
4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:
  - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ( 30 ) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như qui định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu qui định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này.
  - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ( 30 ) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.
  - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ( 30 ) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu qui định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định tại Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký Doanh nghiệp ( hoặc đăng ký kinh doanh ) giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Mọi chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty

hoàn trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở, đi lại.

## **Điều 27 Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
  - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.
  - b. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh.
  - c. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát.
  - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:
  - a. Thông qua các báo cáo tài chính năm.
  - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này phù hợp với mức do Hội đồng quản trị đề nghị sau khi có ý kiến tham khảo của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
  - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
  - d. Lựa chọn Công ty kiểm toán.
  - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
  - f. Xem xét, thông qua tổng số tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị.
  - g. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.
  - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần.
  - i. Chia tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc chuyển đổi Tổng công ty.
  - j. Tổ chức lại, chấm dứt hoạt động và giải thể (thanh lý) Tổng công ty; chỉ định người tham gia Ban thanh lý.
  - k. Quyết định việc tăng giảm vốn điều lệ.
  - l. Quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của Tổng Công ty.
  - m. Quyết định mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành.
  - n. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc điều hành.
  - o. Xem xét các vấn đề mang tính định hướng về tổ chức cán bộ và tổ chức lại các đơn vị trực thuộc đảm bảo tính hợp lý, khoa học, phù hợp với diễn biến tình hình hiện tại và mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- p. Xem xét sai phạm và quyết định mức xử lý đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty.
  - q. Quyết định các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau:
- a. Thông qua các hợp đồng quỹ định tại Khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.
  - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nội dung và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận, biểu quyết và ra quyết nghị tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 28 Các đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu hướng dẫn của Tổng công ty và có chữ ký theo qui định cụ thể sau đây:
  - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.
  - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức ( pháp nhân ) là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có dấu của tổ chức và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

- 3. Trường hợp luật sư thay mặt người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện: Việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó ( nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty ).
- 4. Trừ trường hợp qui định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
  - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền.
  - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

## **Điều 29 Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi tối thiểu hai ( 02 ) cổ đông ( hoặc đại diện được ủy quyền của họ ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba ( 1/3 ) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi ( 30 ) ngày đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó ( không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần ) có mặt trực tiếp và thông qua người đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của các cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được tiến hành tương tự với các qui định tại Điều 31 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần qui định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số và tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

## **Điều 30 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp được qui định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 26 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau:
  - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi ( 30 ) ngày trước ngày tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo qui định phù hợp với luật pháp và các qui định của Tổng công ty.
  - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội.
  - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử ( website ) của Tổng công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm ( 15 ) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông ( tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được lập thành văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba ( 03 ) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
  - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
  - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 7% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu ( 06 ) tháng theo qui định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ này.
  - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

### **Điều 31 Các điều kiện để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi ( 30 ) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ( 30 ) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi ( 30 ) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ( 20 ) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội cổ đông lần thứ nhất.

### **Điều 32 Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.
7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.
9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
  - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
  - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.
  - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự ( hoặc tiếp tục tham dự ) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
  - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ( “ Địa điểm chính của đại hội ” ).
  - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này ( trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác ), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Tổng công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một ( 01 ) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Điều 33 Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Có 2 loại quyết định của Đại hội đồng cổ đông: Quyết định đặc biệt và quyết định thường.
2. **Quyết định đặc biệt** của Đại hội đồng cổ đông: Các điểm g; h; i; k; l; m thuộc khoản 2 Điều 27 Điều lệ này phải có quyết định đặc biệt của Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. **Quyết định thường** của Đại hội đồng cổ đông được áp dụng cho tất cả các vấn đề còn lại thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
4. Trong trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

### **Điều 34 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo qui định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích chung của Tổng công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm ( 15 ) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy nhúng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổng công ty.
  - b. Mục đích lấy ý kiến các cổ đông.
  - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm : tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
  - f. Thời hạn gửi trả lại phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Tổng công ty.
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc Tổng công ty.



4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân; của người đại diện theo ủy quyền hoặc đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và chưa được mở ra trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời gian đã được xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã có dấu hiệu bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là cán bộ quản lý của Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
  - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
  - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, không hợp lệ, kèm theo bản danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
  - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề.
  - e. Các quyết định đã được thông qua.
  - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi tư ( 24 ) giờ và được gửi đến cổ đông trong vòng mười lăm ( 15 ) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Toàn bộ phiếu lấy ý kiến, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 35 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Nội dung cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được ghi thành biên bản. Biên bản phải có ít nhất các phần sau đây:
  - a. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
  - b. Chương trình làm việc.
  - c. Chủ tọa và Thư ký.
  - d. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông.
  - e. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu không chấp thuận, số phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua.
  - f. Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- g. Tổng số phiếu biểu quyết với từng vấn đề biểu quyết.
  - h. Họ, tên đầy đủ, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký đại hội.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc đại hội.
  3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi tư ( 24 ) giờ và được gửi đến cổ đông trong vòng mười lăm ( 15 ) ngày kể từ ngày kết thúc Đại hội đồng cổ đông.
  4. Biên bản Đại hội đồng cổ đông; sổ chữ ký của các cổ đông dự họp; văn bản ủy quyền tham dự họp v.v... phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

### **Điều 36 Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi ( 90 ) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng chín mươi ( 90 ) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

### **Điều 37 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được dựa trên sổ đăng ký cổ đông. Danh sách này được lập khi có quyết định triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, nhưng phải lập xong chậm nhất mười ( 10 ) ngày trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông có sở hữu ít nhất 0,03% vốn điều lệ của Tổng công ty là đại biểu đương nhiên của Đại hội đồng cổ đông. Những cổ đông khác tự nhóm lại với nhau để có số cổ phần tối thiểu là 0,03% vốn điều lệ Tổng công ty cử người đại diện tham dự Đại hội đồng cổ đông.
3. Danh sách nói trên phải ghi rõ họ tên và địa chỉ thường trú ( đối với cổ đông là cá nhân hoặc đại diện cho nhóm cổ đông ); tên đơn vị, trụ sở ( đối với cổ đông là pháp nhân ) và số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông.
4. Mỗi cổ đông đều có quyền được xem xét các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 7% cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu được xem danh sách cổ đông có quyền dự họp.
6. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch, hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách đó theo qui định.

## CHƯƠNG VII

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### **Điều 38 Hội đồng quản trị, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có năm (05) thành viên gồm: Chủ tịch và các uỷ viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:
  - a. Tốt nghiệp đại học, có năng lực tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý doanh nghiệp.
  - b. Cổ đông sở hữu/đại diện sở hữu ít nhất 5% số vốn điều lệ hoặc có thể là người không nắm giữ cổ phần của Tổng công ty nhưng người đó phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý sản xuất kinh doanh và trong ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.
  - c. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành khác của Tổng công ty.

#### **Điều 39 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi, trách nhiệm của Tổng công ty, trừ những vấn đề thuộc quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và các công việc khác của Tổng công ty đều chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát của Hội đồng quản trị. Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác quy định trong Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyết định các kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm.
3. Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ và chuyển nhượng vốn cổ phần.
4. Quyết định các hợp đồng kinh tế, thương mại và đầu tư có giá trị giao dịch từ 15% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Tổng công ty. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh có giá trị nhỏ hơn 15% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo quý gần nhất của Tổng công ty.
5. Quyết định các giải pháp nhằm đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
6. Quyết định bổ nhiệm và bãi nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các lợi ích khác đối với các chức danh: Tổng giám đốc; Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng; Giám đốc các đơn vị trực thuộc; Trưởng các phòng chức năng và chuyên môn của Tổng công ty, theo đề nghị của Tổng giám đốc.
7. Phê chuẩn và ủy quyền cho Tổng giám đốc bổ nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các lợi ích khác các chức danh: Phó trưởng phòng các phòng chức năng

và chuyên môn của Tổng công ty; Phó giám đốc các đơn vị trực thuộc và các cán bộ quản lý khác ngoài qui định tại Điểm 6 Điều này theo đề nghị của Tổng giám đốc.

8. Quyết định cử hoặc ủy quyền người đại diện phần vốn góp ( cổ phần ) của Tổng công ty tại các công ty con và công ty liên kết. Phê chuẩn và ban hành Qui chế hoạt động của người đại diện vốn của Tổng công ty tại các công ty con và công ty liên kết theo đề nghị của Tổng giám đốc.
9. Quyết định Quy chế tiền lương và tuyển dụng lao động của Tổng công ty.
10. Quyết định cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của Ban Tổng giám đốc. Quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, các phòng tại Văn phòng Tổng công ty, công ty con và việc góp vốn và mua cổ phần do các tổ chức khác phát hành.
11. Trình báo cáo tài chính hàng năm ( đã kiểm toán ) lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Đề nghị mức cổ tức, thời hạn và thủ tục thanh toán cổ tức hoặc phương pháp xử lý các khoản lỗ xảy ra trong quá trình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty lên Đại hội đồng cổ đông quyết định.
13. Đề xuất việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu.
14. Quyết định chào giá bán cổ phần ( nếu được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền ) và trái phiếu của Tổng công ty khi phát hành cổ phần và trái phiếu.
15. Định giá tài sản không bằng tiền mặt được sử dụng để góp vốn cổ phần.
16. Lập chương trình, nội dung, soạn thảo tài liệu và thực hiện các công việc khác phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua các quyết định.
17. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại.
18. Kiến nghị việc sáp nhập, hợp nhất, chia tách, chuyển đổi, giải thể, chấm dứt hoạt động và phá sản Tổng công ty.
19. Một số các vấn đề sau phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
  - a) Thành lập và giải thể các Chi nhánh, các Văn phòng đại diện.
  - b) Thành lập các công ty con của Tổng công ty.
  - c) Việc vay nợ và thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty.
  - d) Các khoản đầu tư, kinh doanh vượt quá 10% giá trị kế hoạch kinh doanh hàng năm.
  - e) Việc mua bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác trong và ngoài nước.

#### **Điều 40 Thể thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.**

1. Thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo nguyên tắc bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.
2. Người được bầu vào Hội đồng quản trị phải đảm bảo đủ các tiêu chuẩn được qui định tại Khoản 2 Điều 38 Điều lệ này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu ( hoặc / và ủy quyền đại diện sở hữu ) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông đó có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp,

bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trong trường hợp hai người có cùng số phiếu bầu bằng nhau thì tổ chức bầu riêng 2 người để lựa chọn người có số phiếu cao hơn.

4. Mỗi cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu ( 06 ) tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị, như sau:
  - a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 7% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 1 ứng cử viên Hội đồng quản trị.
  - b. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 2 ứng cử viên Hội đồng quản trị.
  - c. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 3 ứng cử viên Hội đồng quản trị.
  - d. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 4 ứng cử viên Hội đồng quản trị.
  - e. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 5 ứng cử viên Hội đồng quản trị.
  - f. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 6 ứng cử viên Hội đồng quản trị.
  - g. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 7 ứng cử viên Hội đồng quản trị.
  - h. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 8 ứng cử viên Hội đồng quản trị.
5. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 7% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu ( 06 ) tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đủ điều kiện đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.
  - b. Có đơn bằng văn bản xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Tổng công ty.
  - c. Bị chết, mất trí, mất quyền công dân.
  - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu ( 06 ) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống.
  - e. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
7. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
8. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 41 Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị bầu một trong số các thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch với đa số phiếu tán thành bằng hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc ( trường hợp kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ).
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung và tài liệu cho các phiên họp của Hội đồng quản trị, triệu tập và chủ trì các phiên họp của Hội đồng quản trị.
  - c. Phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung quản lý Tổng công ty.
  - d. Đôn đốc và giám sát việc thực hiện các nghị quyết do Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua. Được quyền đình chỉ, điều chỉnh các hoạt động điều hành của Tổng giám đốc Tổng công ty nếu hoạt động điều hành đó trái với các Nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua; các nội quy, quy trình, quy chế hoạt động của Tổng công ty đi ngược với lợi ích của Tổng công ty.
  - e. Chủ tọa các phiên họp của Đại hội đồng cổ đông.
  - f. Các quyền và nghĩa vụ khác qui định tại Luật Doanh nghiệp.
3. Tuỳ thuộc vào quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, sau khi Chủ tịch Hội đồng quản trị ra quyết định tại Điểm d Khoản 2 Điều này một phiên họp bất thường của Hội đồng quản trị sẽ được triệu tập, để xem xét các quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm lấy ý kiến từ tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị bằng văn bản đối với quyết định của mình. Quyết định của Hội đồng quản trị sẽ là quyết định cuối cùng và có giá trị thi hành.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ( 10 ) ngày.
5. Trường hợp Chủ tịch hội đồng quản trị vắng mặt thì thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch uỷ quyền có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công.

#### **Điều 42 Quyền của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng lương ( hoặc thù lao ), tiền thưởng và các khoản hoa hồng khác ( nếu có ) do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán mọi chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả các chi phí phát sinh khi tới dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác tham dự theo thẩm quyền.

#### **Điều 43 Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho Tổng công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty.
5. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Tổng công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.
6. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

#### **Điều 44 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ( 07 ) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một ( 01 ) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm ( 05 ) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một ( 01 ) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm ( 05 ) cán bộ quản lý khác;
  - b. Ít nhất hai ( 02 ) thành viên Hội đồng quản trị;
  - c. Ban kiểm soát.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ( 15 ) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.
6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ( 05 ) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu

quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử ( Email ) hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư ( 3/4 ) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện ( người được uỷ quyền ).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm ( 15 ) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa ( 1/2 ) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết.

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một ( 01 ) phiếu biểu quyết.
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
  - c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.
  - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 56 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
  11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt ( trên 50% ). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
  12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
    - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.



- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác ( kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty hay sau này ) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “ có mặt ” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ( 10 ) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một ( 01 ) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.
15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng :
- a. Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban;
- b. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

#### **Điều 45 Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Phiên họp Hội đồng quản trị phải được ghi chép đầy đủ thành biên bản và đánh số thứ tự.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi rõ ít nhất các nội dung sau đây:
- a. Thời gian và địa điểm.
- b. Họ tên các thành viên tham dự.
- c. Chương trình họp.
- d. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết, kết quả biểu quyết.

- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến tại phiên họp.
- f. Các quyết định đã được Hội đồng quản trị thông qua.
- g. Họ tên và chữ ký của tất cả các thành viên dự họp.
3. Khi cần thiết Chủ tịch Hội đồng quản trị trích Nghị quyết Hội đồng quản trị thông báo đến các bộ phận liên quan để thực hiện.

## **CHƯƠNG VIII**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY**

##### **Điều 46 Tổng Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một ( 01 ) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc người khác làm Tổng giám đốc Tổng công ty. Trong trường hợp thuê Tổng giám đốc thì Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động trực tiếp với Tổng giám đốc.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm ( 05 ) năm, tương ứng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được tái bổ nhiệm.
3. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc được quy định như sau:
  - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp.
  - b. Tốt nghiệp đại học, có năng lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp. Có kinh nghiệm quản lý, hiểu biết pháp luật. Nếu không phải là cổ đông của Tổng công ty thì người đó phải có chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành nghề chính của Tổng công ty.
  - c. Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.
  - d. Có ít nhất năm ( 05 ) năm kinh nghiệm công tác.
  - e. Không được đồng thời làm giám đốc tại doanh nghiệp khác.
  - f. Phải được ít nhất đa số thành viên của Hội đồng quản trị bỏ phiếu tán thành.
4. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, điều hành mọi mặt các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

##### **Điều 47 Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

Ngoài những quyền hạn và nhiệm vụ khác qui định trong Luật Doanh nghiệp, Tổng giám đốc có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
3. Kiến nghị, trình Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành các Quy chế nội bộ của Tổng công ty; Quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con và

công ty liên kết; Điều lệ tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc cũng như các Quy chế khác cần thiết phù hợp với các qui định của pháp luật.

4. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp ( nếu có ) các chức danh Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Trưởng các phòng chức năng và chuyên môn của Tổng công ty.
5. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương, phụ cấp ( nếu có ) đối với toàn bộ các chức danh quản lý khác trong Tổng công ty trừ các chức danh nêu tại Khoản 4 Điều này sau khi trình và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
6. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động. Tuyển dụng lao động theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị phê chuẩn. Bố trí sắp xếp lao động theo yêu cầu của công việc sản xuất kinh doanh, phù hợp với Bộ Luật lao động. Có quyền kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động, cho thôi việc đối với cán bộ, công nhân viên, người lao động theo đúng Bộ Luật lao động và Luật Doanh nghiệp.
7. Vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm ( 05 ) năm.
8. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty.
9. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty ( sau đây gọi là bản dự toán ) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm ( bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến ) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các Quy chế của Tổng công ty.
10. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các Quy chế của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.
11. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

#### **Điều 48 Quy định về từ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Tổng giám đốc**

1. Khi Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời gian sáu mươi ( 60 ) ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét giải quyết.
2. Tổng giám đốc đương nhiệm bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Bị chết, mất trí, mất quyền công dân.
  - b. Tự ý bỏ nhiệm sở bảy ( 07 ) ngày liên tục trở lên không có lý do chính đáng.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

#### **Điều 49 Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Tổng công ty có một ( 01 ) Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc, một ( 01 ) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc ủy quyền bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

## **Điều 50 Cán bộ quản lý**

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Tổng công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.
3. Các Phó Tổng giám đốc :  
Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc.
  - a. Theo đề nghị của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị bổ nhiệm một số Phó Tổng giám đốc ( số lượng tùy theo yêu cầu cụ thể cho công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty ).
  - b. Hội đồng quản trị qui định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm đối với Phó Tổng giám đốc làm căn cứ lựa chọn người giúp việc Tổng giám đốc.
  - c. Tổng giám đốc trực tiếp phân công cho các Phó Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty. Các Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc và pháp luật về các phần việc được phân công hoặc ủy quyền của Tổng giám đốc. Các Phó Tổng giám đốc có thể kiêm nhiệm phụ trách các phòng chức năng, chuyên môn tại Văn phòng Tổng công ty hoặc đơn vị trực thuộc.
  - d. Tổng giám đốc có thể ủy quyền cho Phó Tổng giám đốc hoặc một số chức danh quản lý khác trong Tổng công ty thay mặt mình giải quyết một số công việc hoặc thay mặt mình thi hành một số nhiệm vụ của Tổng công ty và phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc ủy quyền đó.
  - e. Người được Tổng giám đốc ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và pháp luật về việc thực hiện các nội dung được ủy quyền của mình.
4. Kế toán trưởng:
  - a. Kế toán trưởng Tổng công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng giám đốc.
  - b. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Tổng công ty; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.
  - c. Chế độ lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng của Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Tổng giám đốc.
  - d. Hội đồng quản trị qui định cụ thể tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm đối với Kế toán trưởng để có căn cứ lựa chọn người.
5. Trưởng các phòng chuyên môn, chức năng của Tổng công ty và các chức danh quản lý khác:
  - a. Theo đề nghị của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị bổ nhiệm Trưởng các phòng chức năng, chuyên môn và các chức danh quản lý khác giúp việc Tổng giám đốc.
  - b. Mức lương, thù lao, các lợi ích khác của các Trưởng phòng và cán bộ quản lý thuộc bộ máy giúp việc Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị phê duyệt theo đề nghị của Tổng giám đốc phù hợp với các qui định hiện hành của pháp luật.

**Điều 51 Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các công ty con và công ty liên kết**

1. Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định cử hoặc ủy quyền người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con và công ty liên kết.
2. Tiêu chuẩn, phạm vi hoạt động, nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác được qui định cụ thể trong Quy chế người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty do Tổng công ty ban hành phù hợp với các qui định hiện hành của Nhà nước và pháp luật.

**Điều 52 Thư ký Tổng công ty**

Hội đồng quản trị chỉ định một ( 01 ) người làm Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Thư ký Tổng công ty có thể là cán bộ kiêm nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Tổng công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
3. Tham dự các cuộc họp.
4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
6. Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

**CHƯƠNG IX  
BAN KIỂM SOÁT****Điều 53 Thành viên ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) người. Các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát:
  - a. Không nhất thiết là cổ đông của Tổng Công ty;
  - b. Không là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
  - c. Có chuyên môn nghiệp vụ từ đại học trở lên, am hiểu về lĩnh vực hoạt động, các yêu cầu nhiệm vụ của Tổng Công ty.
3. Ban Kiểm soát chỉ định một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
  - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
  - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Thành viên Ban Kiểm soát không còn đủ tư cách trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
  - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Tổng Công ty;
  - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
  - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 7% đến dưới 10% được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên, từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
6. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

#### **Điều 54 Ban kiểm soát**

- 1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
  - a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
  - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
  - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Tổng Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Tổng Công ty nếu thấy cần thiết;
  - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;

- e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề về kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
  - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Tổng Công ty;
  - g. Xem xét báo cáo của Tổng Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
  - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Tổng Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
  3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.
  4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

## **CHƯƠNG X**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

#### **Điều 55 Trách nhiệm cần trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và với mức độ cần trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

#### **Điều 56 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Tổng công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc Tổng công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
  - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
  - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
  - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **Điều 57 Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn thận cần thiết và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cẩn vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:



- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty.
  - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh ( kể cả phí thuê luật sư ), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **CHƯƠNG XI**

### **QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY**

#### **Điều 58 Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 4 Điều 40 và Điểm d Khoản 1 Điều 54 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Tổng công ty phải lưu Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ ( nếu có ), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký doanh nghiệp được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.

## **CHƯƠNG XII**

### **CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

#### **Điều 59 Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ, các quy chế của Tổng Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

**CHƯƠNG XIII**  
**TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH**  
**VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

**Điều 60 Tài khoản ngân hàng**

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

**Điều 61 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 năm đó.

**Điều 62 Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Tổng công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.
3. Tổng công ty sử dụng tiền Đồng Việt Nam ( hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận ) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

**CHƯƠNG XIV**  
**PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

**Điều 63 Phân phối lợi nhuận**

1. Lợi nhuận thực hiện của Tổng công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước ( nếu có ) theo qui định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, được phân phối như sau:
  - Quỹ dự trữ tài chính: không quá 10% ( Quỹ này được bổ sung hàng năm cho đến khi đạt 10% vốn Điều lệ của Tổng công ty ).
  - Quỹ đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh : không quá 10%.
  - Quỹ khen thưởng phúc lợi: không quá 5%.
  - Lợi nhuận ròng sau khi trích lập các quỹ nêu trên được dùng để trả cổ tức.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành Qui chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ, trả cổ tức.

## **Điều 64 Trả cổ tức**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua mức cổ tức được chi trả cho cổ đông từ lợi nhuận giữ lại của Tổng công ty trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ( 30 ) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ( 15 ) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

Thông báo phải ghi rõ :

- a. Tên Tổng công ty.
  - b. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của cổ đông là cá nhân.
  - c. Tên địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh ( đăng ký doanh nghiệp ) của cổ đông là tổ chức, pháp nhân.
  - d. Số lượng từng loại của cổ đông.
  - e. Mức cổ tức đối với từng loại cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận.
  - f. Thời điểm và phương thức trả cổ tức.
  - g. Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc Tổng công ty.
3. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
  4. Tổng công ty có quyền tạm ứng chi trả cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này có lợi và phù hợp với khả năng sinh lời trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
  5. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Tổng công ty. Tổng công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước; trích lập đủ các quỹ và bù đắp đủ lỗ ( nếu có ) theo qui định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.
  6. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phiếu của Tổng công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.
  7. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Tổng công ty có đủ chi tiết về Ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông.

## **Điều 65 Danh sách cổ đông có quyền được nhận cổ tức**

1. Danh sách cổ đông có quyền nhận cổ tức được lập trên cơ sở Sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty. Danh sách cổ đông được quyền nhận cổ tức phải được lập xong chậm nhất ba mươi ( 30 ) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.
2. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa ngày khóa sổ danh sách cổ đông và ngày trả cổ tức trở về trước thì người chuyển nhượng cổ phần là người nhận cổ tức và ngược lại.

## **Điều 66 Xử lý trong trường hợp thua lỗ**

Trong những năm tài chính Tổng công ty bị thua lỗ. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phương án trích từ quỹ dự phòng để bù đắp và chuyển một phần các khoản lỗ sang năm

tài chính tiếp theo, đồng thời Hội đồng quản trị trình các giải pháp khắc phục để Đại hội đồng cổ đông ra quyết định.

## **CHƯƠNG XV**

### **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

#### **Điều 67 Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Tổng công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 69 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi ( 90 ) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán ( khi Tổng công ty đăng ký và trở thành công ty niêm yết ) và cơ quan đăng ký doanh nghiệp.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính..
3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi Tổng công ty đăng ký và trở thành công ty niêm yết ) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký doanh nghiệp theo các quy định của Luật Doanh nghiệp
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán ( bao gồm ý kiến của kiểm toán viên ), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Tổng công ty, tại trụ sở chính của Tổng công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 68 Báo cáo thường niên**

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **CHƯƠNG XVI**

### **KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY**

#### **Điều 69 Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Tổng công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai ( 02 ) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## **CHƯƠNG XVII**

### **DẤU VÀ SỬ DỤNG CON DẤU**

#### **Điều 70 Đăng ký dấu và sử dụng con dấu**

1. Con dấu: Con dấu của Tổng công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ công an và được đăng ký tại cơ quan công an có thẩm quyền.
2. Sử dụng con dấu:
  - a) Không được đóng dấu trên bất kỳ văn bản nào nếu không có chữ ký của Chủ tịch, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát. Các chức danh khác không được đóng dấu nếu không có sự uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc.
  - b) Mọi văn bản chứng từ có đóng dấu nhưng không có chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được uỷ quyền bằng văn bản đều không có giá trị pháp lý mà chỉ có giá trị tham khảo.

## **CHƯƠNG XVIII**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 71 Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
  - a. Cổ đông với Tổng công ty.
  - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý của Tổng công ty.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi ( 30 ) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Tòa án kinh tế hoặc Cơ quan trọng tài có thẩm quyền chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu ( 06 ) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## CHƯƠNG XIX

### GIẢI THỂ, THANH LÝ, PHÁ SẢN

#### **Điều 72 Giải thể**

1. Tổng Công ty có thể bị giải thể trong các trường hợp sau:
  - a) Theo quyết định đặc biệt của Đại hội đồng cổ đông.
  - b) Bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy phép đăng ký doanh nghiệp.
  - c) Các trường hợp khác theo qui định của pháp luật.
2. Thủ tục giải thể của Tổng công ty được tiến hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 73 Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu ( 06 ) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba ( 03 ) thành viên. Hai ( 02 ) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký doanh nghiệp về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý.
  - b. Tiền lương, tiền công và chi phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên người lao động trong Tổng công ty.
  - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước.
  - d. Các khoản vay ( nếu có ).
  - e. Các khoản nợ khác của Tổng công ty ( bao gồm cả các khoản vay có bảo đảm và không bảo đảm ).
  - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Mục a đến Mục e trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

#### **Điều 74 Phá sản**

Việc phá sản Tổng công ty được thực hiện theo qui định của Luật Phá sản nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

## CHƯƠNG XX

### NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

#### **Điều 75 Chế độ lưu trữ tài liệu của Tổng công ty**

1. Tổng công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:
  - a. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty ( bản gốc ) và các bản bổ sung hoặc sửa đổi đã được đăng ký.
  - b. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
  - c. Các Quy chế quản lý nội bộ.

- d. Các hồ sơ, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Tổng công ty.
  - e. Các hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư, mua sắm, liên doanh, liên kết v.v...
  - f. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp Hội đồng quản trị, biên bản thông qua nghị quyết bằng cách hỏi ý kiến và tất cả các quyết định được thông qua.
  - g. Các tài liệu khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
2. Tổng công ty phải lưu giữ các tài liệu nêu tại Điều 76 này tại trụ sở chính hoặc nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông của Tổng công ty và cơ quan đăng ký doanh nghiệp biết.

#### **Điều 76 Sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

1. Trong quá trình hoạt động của Tổng công ty, nếu có những điều khoản trong Điều lệ này không phù hợp với tình hình mới, Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét và quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định của pháp luật.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.
3. Những nội dung không được qui định trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các qui định và pháp luật hiện hành của Việt Nam; theo các thông lệ thương mại quốc tế chung và theo các Qui chế nội bộ khác của Tổng công ty.

**CHƯƠNG XXI**  
**THỜI HẠN HIỆU LỰC VÀ THI HÀNH**

**Điều 77 Thời hạn hiệu lực và thi hành**

1. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng Nông nghiệp Việt Nam-CTCP có hiệu lực pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và đăng ký theo qui định của Pháp luật.
2. Điều lệ này có 21 chương bao gồm 77 điều. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày      tháng      năm 2014.
3. Điều lệ này được lập thành mười tám ( 18 ) bản, có giá trị như nhau.
  - a. 01 bản nộp tại phòng công chứng Nhà nước tại Thành phố Hà Nội.
  - b. 05 bản đăng ký tại Sở kế hoạch đầu tư - UBND Thành phố Hà Nội.
  - c. 12 bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Tổng công ty.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền mới có giá trị.

Hà Nội, ngày      tháng      năm 2014

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC THÀNH VIÊN HĐQT